

Bản án số: **123/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 30-10-2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lưu Ly**

- Hội thẩm nhân dân: Bà **Vũ Thị Đượm**

Ông **Hồ Văn Tài**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Đinh Thị Phương Thảo** - Thư ký tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc** tham gia phiên tòa:
Bà **Nguyễn Phương Dung** - Kiểm sát viên

Vào ngày 30/10/2020, tại Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 436/2020/TLST-HNGĐ ngày 07/9/2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 186/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14/10/2020 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà **Phan Thị H**, sinh năm: 1969.

Địa chỉ: Ấp Suối Cát 1, xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Minh T**, sinh năm: 1964.

Địa chỉ: Ấp Suối Cát 1, xã Suối Cát, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

(Bà H và ông T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai bổ sung nguyên đơn bà Phan Thị H trình bày: Trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, bà và ông T sống với nhau vào năm 2003, nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, vợ chồng không hạnh phúc nguyên nhân do không hợp nhau. Nay tình cảm không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Minh T.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Phan Nhật T, sinh ngày 12/9/2003. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T và yêu cầu ông T cấp

dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn ông Nguyễn Minh T trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà H về thời gian chung sống, về con chung, tài sản chung và nợ chung. Cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc nguyên nhân do tính tình không hợp, không tin tưởng lẫn nhau, ông bà sống ly thân được 04 (bốn) năm nay. Nay bà H yêu cầu ly hôn, ông đồng ý.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Phan Nhật T, sinh ngày 12/9/2003. Khi ly hôn ông đồng ý giao cháu T cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Ông T đồng ý tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự tham gia tố tụng, thực hiện thông báo thụ lý vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xác định đầy đủ và đúng quy định pháp luật.

Về quá trình thu thập chứng cứ gồm lấy lời khai của đương sự, Thẩm phán đảm bảo theo trình tự tố tụng dân sự.

Về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử đã được thực hiện đúng tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Bà Phan Thị H yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Minh T, xét thấy ông bà không đăng ký kết hôn theo luật định, nên đề nghị HĐXX không công nhận bà H và ông T là vợ chồng. Về con chung: Ông bà có 01 con chung là cháu Nguyễn Phan Nhật T, sinh ngày 12/9/2003. Ông T, bà H thỏa thuận khi ly hôn giao cháu T cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, ông T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: không có, nên đề nghị HĐXX không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tư cách tham gia tố tụng: Bà Phan Thị H có đơn khởi kiện xin ly hôn với ông Nguyễn Minh T, do đó xác định bà H là nguyên đơn, ông T là bị đơn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Phan Thị H và ông Nguyễn Minh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Nên xét xử vắng mặt bà H và ông T tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Phan Thị H nhận thấy: Bà H và ông T đều thừa nhận ông bà chung sống với nhau vào năm 2003 nhưng không đăng ký kết hôn. Nay cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân do không hợp tính tình, không tin tưởng nhau nên ông bà thống nhất ly hôn. Xét thấy, bà H và ông T có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng không đăng ký kết hôn, nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 14 của luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, tuyên bố không công nhận bà H và ông T là vợ chồng là phù hợp tại Điều 53 của Luật hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Về con chung: Ông bà có 01 con chung là cháu Nguyễn Phan Nhật T, sinh ngày 12/9/2003. Ông T, bà H thỏa thuận khi ly hôn giao cháu T cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, ông T đồng ý tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng nên ghi nhận sự tự nguyện của các bên đương sự.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[6] Nợ chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm vì có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[8] Xét nhận định của Kiểm sát viên: Phù hợp, nên chấp nhận
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 28, Điều 35; Điều 39; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Điều 14, Điều 16, Điều 51; Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 của Luật Hôn nhân gia đình 2014; Nghị quyết 35/2010/NQ - QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án:

- Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Phan Thị H và ông Nguyễn Minh T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phan Nhật T, sinh ngày 12/9/2003 cho bà Phan Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh Nguyễn Minh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho cháu Nguyễn Phan Nhật T là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được pháp luật công nhận và bảo vệ.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết

4. Nợ chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Phan Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0004084 ngày 31/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc. Ông Nguyễn Minh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm vì có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bà Phan Thị H và ông Nguyễn Minh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Huyện Xuân Lộc;
- CCTHADS H.Xuân Lộc;
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu án văn;
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lưu Ly

